

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1820/2024/TLST-VHNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1989;

Địa chỉ thường trú và cư trú: Số B, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1981;

Địa chỉ thường trú và cư trú: Số D, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, bà T và ông L cùng nộp đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, bà T và ông L thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành vào ngày 22/7/2024. Ông L cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T cư trú tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ông L, bà T có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Căn cứ vào Điều 29, 35 và điểm h, Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đơn yêu cầu của ông L, bà T được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Thanh Lâm c sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường phường L, thành phố T,

Thành phố Hồ Chí Minh) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60, ngày 04/6/2011. Bà T và ông L xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 15/8/2011 và cháu Nguyễn Phi H, sinh ngày 13/9/2014. Ông L, bà T thỏa thuận giao cháu K cho ông L nuôi dưỡng, giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng; tạm thời hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T và ông L xác định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống bà T và ông L thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Bà T, ông L xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy bà T và ông L thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; sự thỏa thuận của bà T và ông L đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con; phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của bà T và ông L.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Thanh L.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Thanh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 15/8/2011 và cháu Nguyễn Phi H, sinh ngày 13/9/2014. Ông L, bà T thỏa thuận giao cháu K cho ông L nuôi dưỡng, giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng; tạm thời hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T và ông L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Thanh L mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí mà bà T và ông L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004675 ngày 10/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà T và ông L đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THADS cùng cấp;
- UBND phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ